

VIỆT BẮC

TỔ HỮU

A. TIỂU DẪN:

I. TÁC GIẢ (1920 – 2002)

1. CUỘC ĐỜI:

- Xuất thân trong một gia đình nhà nho yêu nước, có truyền thống văn chương.
- Thời thanh niên, sớm giác ngộ cách mạng và hăng say hoạt động, cống hiến cho sự nghiệp CM
- Ông lần lượt đảm nhiệm những nhiệm vụ trọng yếu trên mặt trận văn hóa văn nghệ, trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và nhà nước
- Quê hương (Huế) và tình yêu với quê hương – mảnh đất trữ tình
→ *giọng thơ tâm tình, tha thiết đậm chất Huế.*

2. SỰ NGHIỆP VĂN CHƯƠNG

- **VỊ TRÍ:** là *“lá cờ đầu của nền văn nghệ Cách mạng Việt Nam”*.
- Các chặng đường thơ của ông luôn gắn bó và phản ánh chân thật những chặng đường CM đầy gian khổ hi sinh nhưng cũng nhiều thắng lợi vinh quang của dân tộc.
- **PHONG CÁCH THƠ:**
 - Nội dung:
 - Tính trữ tình chính trị: Hồn thơ luôn hướng tới cái ta chung với lẽ sống lớn, tình cảm lớn, niềm vui lớn của con người CM và đời sống CM (Bắt nguồn từ 1 sự kiện chính trị)
 - Tính sử thi và cảm hứng lãng mạn
 - Giọng thơ tâm tình tha thiết
 - Nghệ thuật:
 - Tính dân tộc đậm đà: sử dụng thành công các thể thơ truyền thống.
 - Sử dụng từ ngữ và hình ảnh giản dị, gắn bó gần gũi với cuộc sống.

II. TÁC PHẨM

1. XUẤT XỨ & VỊ TRÍ

- Nằm trong tập thơ “Việt Bắc” – được xem như là tác phẩm đạt đến độ “chín” về nghệ thuật trong sự nghiệp sáng tác đồ sộ của Tố Hữu. Bài thơ VB là **linh hồn** của tập thơ.
- Thành tựu xuất sắc của thơ ca thời kì kháng chiến chống Pháp
- Được coi là *“khúc tình ca”, “khúc hùng ca”* về Cách mạng, về kháng chiến và con người kháng chiến.

2. HOÀN CẢNH SÁNG TÁC:

- VB là căn cứ địa cách mạng – được gọi là quê hương đầu tiên của Cách mạng Việt Nam từ năm 1940 đến kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp
- Sau kháng chiến thực dân Pháp thắng lợi, T10/1954, trung ương Đảng và chính phủ rời chiến khu Việt Bắc về Hà Nội. Một cuộc chia tay lớn giữa những người kháng chiến và đồng bào Việt Bắc đã diễn ra đầy cảm động.
- Ở thời khắc chuyển giao của lịch sử này, người ta có nhu cầu nhìn lại những chặng đường đã qua, đồng thời hướng về con đường phía trước, khẳng định ân tình cùng quá khứ và lòng thủy chung với cội nguồn.
Bài thơ Việt Bắc ra đời đã đáp ứng kịp thời những nhu cầu ấy của thời đại.

→ *Việt Bắc được coi là bản tổng kết bằng tâm tình 1 giai đoạn lịch sử của dân tộc.*

3. THỂ LOẠI: TRỮ TÌNH CHÍNH TRỊ

4. KẾT CẤU:

- Nhà thơ sáng tạo ra 1 hoàn cảnh đặc biệt để bộc lộ cảm xúc: **CUỘC CHIA TAY** đầy lưu luyến bịn rịn của kẻ ở, người đi sau nhiều năm gắn bó.
- Tổ chức theo lối đối đáp quen thuộc của ca dao dân ca với **người hỏi** là đồng bào Việt Bắc, **người đáp** là cán bộ kháng chiến.
- Đối đáp chỉ là kết cấu bên ngoài, là 1 thủ pháp khơi gợi bộc lộ tâm trạng và tạo ra sự hô ứng, đồng vọng còn ở chiều sâu, là sự thống nhất của tình cảm, cảm xúc trong 1 tiếng nói chung.
→ Hai nhân vật “mình”, “ta” thực chất chỉ là sự phân thân của 1 cái tôi trữ tình.

5. CHỦ ĐỀ:

Qua dòng hồi tưởng đầy xúc động của nhà thơ về chặng đường 15 năm đã qua của đất nước, đoạn trích thể hiện **nghĩa tình Cách mạng** thấm thiết của những người kháng chiến với Việt Bắc, với nhân dân đất nước.

B. TÌM HIỂU TÁC PHẨM.

I. LỜI CỦA ĐỒNG BÀO VIỆT BẮC

1. CÂU 1 – 4: Lời ước m hỏi ân tình:

Nhảy cảm với **sự đối thay**: từ thời chiến sang thời bình, từ núi rừng về nơi đô hội phồn hoa, tác giả để cho người ở lại lên tiếng trước bằng lời ước m hỏi:

*Mình về mình có nhớ ta?
Mình về mình có nhớ không?*

- Hai câu lục là câu hỏi tu từ theo cấu trúc đồng dạng, gần như trùng khớp đã gieo lên niềm băn khoăn, dò hỏi. Nhà thơ đã chạm đến một tâm lý rất phổ biến trong ca dao, người ở lại chất chứa những nỗi nhớ thương và mong ngóng đối với người đi xa.
- Điệp từ “**Nhớ**” lặp 4 lần, không chỉ để bộc bạch nhớ thương mà cũng để nhắc nhở người ra đi đừng có quên mình.

*Thuyền về có nhớ bến chăng
Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền.*

- Cách xưng hô “**mình**”, “**ta**” phảng phất ý vị của ca dao:

LIÊN HỆ - CA DAO:

*Mình về ta chẳng cho về
Ta nắm vạt áo ta đề câu thơ*

- Hỏi mà không mong lời đáp, Việt Bắc ngay sau đó đã nhắc nhở về những kỉ niệm từng gắn bó với người cán bộ kháng chiến trong suốt hành trình dài 15 năm.

15 năm ấy thiết tha mặn nồng

- THỜI GIAN:** 15 năm

- Khoảng thời gian thực của cuộc kháng chiến (từ cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn đến chiến thắng Điện Biên)
- Con số mang sức gợi: Khoảng thời gian gắn bó thiết tha mặn nồng giữa Việt Bắc và người kháng chiến.
→ **Gợi nhắc về thời gian 15 năm ấy là gợi nhắc cả 1 quá khứ ân tình sâu đậm giữa Việt Bắc và người kháng chiến về xuôi.**

- Thiết tha mặn nồng:** thứ tình cảm sâu nặng và gắn bó, còn cao hơn cả thứ tình cảm lứa đôi đơn thuần.

Nhìn cây nhớ núi, nhìn sông nhớ nguồn

- Không gian:**

- “**Cây, sông**” có mặt ở mọi miền quê nhưng trong câu thơ này, nó là hình ảnh hoán dụ cho không gian miền xuôi.

- “**Núi, nguồn**” là không gian đặc trưng miền núi.
→ Đó là lời nhắn nhủ của người VB với người, **khi thay đổi không gian sống**, về thủ đô, nhìn về cây phải nhớ đến cội nguồn là *núi*, nhìn về sông nhớ *nguồn*.
→ Đó là lời nhắc nhở đạo lý “**Uống nước nhớ nguồn**”.

NHẬN XÉT

Trong tương quan giữa cái hiện và cái ẩn, giữa hiện tại và quá khứ, người ở lại kín đáo nhắc nhở người đi về một phần đời đã trải về những ân tình không thể nào quên.

→ **Đó cũng là cách Việt Bắc ràng buộc người đi**

a. CÂU 9-20: Hồi tưởng những kỉ niệm từng gắn bó giữa 2 người đồng thời khẳng định nghĩa tình thắm thiết với người về xuôi

Những câu thơ như những dòng chảy kỉ niệm ùa về như thác lũ.

+ CÂU LỤC

- Những câu hỏi tu từ hướng tới những kỉ niệm rất cụ thể mà Việt Bắc và người cán bộ kháng chiến đã cùng nhau trải qua trong giai đoạn vận động đấu tranh CM ở chặng đường đầu.
→ Khơi gợi nỗi nhớ của người ra đi, tự trải lòng về một niềm kí ức sâu nặng.
→ Nhắc nhở người ra đi bởi thói thường đổi thay, quên đi nghĩa cũ tình xưa khi đủ đầy.

LIÊN HỆ: Ánh trăng – Nguyễn Duy

*Từ hồi về thành phố
quen ánh điện cửa gương
vầng trăng đi qua ngõ
như người dưng qua đường*

- Các cụm từ “**Mình đi**”, “**Mình về**” được luân phiên hoán đổi.
- Điệp ngữ “**Có nhớ**” được láy lại liên tiếp: cảm xúc thơ trở nên lắng đọng, giọng thơ trở nên tha thiết hơn.

+ CÂU BÁT

Đều chia hai vế đối xứng với nhịp ngắt 4/4 (riêng câu cuối 2/2/2/2) tập trung gợi nhắc kỉ niệm và thể hiện nghĩa tình bền chặt, sắt son

→ **VB tiếp tục dùng lời hỏi để gợi nhắc kỉ niệm, khẳng định nghĩa tình và đó cũng là cách để ràng buộc người đi.**

+ Hồi tưởng những kỉ niệm từng gắn bó: Cặp lục bát số 1, 2, 5, 6

❖ CẶP LỤC BÁT 1:

*Mình đi có nhớ những ngày
Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù*

- “**Mưa nguồn suối lũ, những mây cùng mù**”: đặc tả thiên nhiên đặc trưng của VB
 - Những cơn mưa ào ạt, dữ dội, tạo ra những cơn lũ có sức tàn phá khủng khiếp
 - Mây mù dày đặc che chắn tầm nhìn, tạo nên hơi lạnh thấu xương.
→ *Không gian vừa âm u mịt mù, vừa dữ dội hiểm nguy.*
- Sự khắc nghiệt của thiên nhiên Việt Bắc này đặt trong quan hệ với câu thơ trên: “**nhớ những ngày**” gợi liên tưởng tới những tháng ngày gian nan vất vả người cán bộ kháng chiến và đồng bào VB đã trải qua.

NHẬN XÉT

Những nét đặc trưng của thiên nhiên VB trong câu thơ không chỉ là những **hình ảnh tả thực** về sự khắc nghiệt của thời tiết mà đó còn là những **ẩn dụ nghệ thuật** nói đến giai đoạn khó khăn gian khổ trong những ngày CM còn trứng nước.

❖ CẶP LỤC BÁT 2:

*Mình về, có nhớ chiến khu
Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai*

- Cặp tiểu đối **“Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai”**:
 - **Miếng cơm chấm muối**: chi tiết thực gợi nhắc về cuộc sống gian khổ, thiếu thốn của thời kháng chiến chống Pháp.
 - **Mối thù nặng vai**: cách diễn đạt độc đáo, tác giả đã hữu hình hóa một danh từ trừu tượng, khiến nó có hình khối, trọng lượng, để biểu đạt sự đồng tâm, hiệp lực tinh thần đồng cam cộng khổ giữa quần chúng kháng chiến với cán bộ CM

→ Giữa cái cơ cực ấy, đồng bào VB tự nguyện kề vai sát cánh cùng cán bộ kháng chiến chia sẻ khó khăn trong đời sống vật chất chung vai gánh vác “mối thù” – san sẻ trách nhiệm cứu nước

→ **Kỉ niệm về sự đồng cam cộng khổ với người miền xuôi**

❖ CẶP LỤC BÁT THỨ 5, 6:

Hình ảnh không gian quen thuộc của Việt Bắc trở lại nhưng **không còn là thiên nhiên thuần túy** mà mang **ý nghĩa thiêng liêng, liên quan đến vận mệnh đất nước**.

*Mình về, còn nhớ núi non
Nhớ khi kháng Nhật, thuở còn Việt Minh*

- **“Núi non”**: căn cứ địa kháng chiến gắn với dấu mốc quan trọng của lịch sử.
- Dấu mốc thời gian ban đầu của 15 năm gắn bó:
 - Khởi nghĩa Bắc Sơn 1940
 - Giai đoạn thành lập Mặt Trận Việt Minh 1941.
- Không chỉ nhắc lại thời gian, VB còn nhắc lại những không gian thân thuộc

Tân Trào, Hồng Thái, mái đình, cây đa

 - Cây đa Tân Trào: nơi đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân làm lễ xuất quân 1944
 - *Mái đình Hồng Thái*: nơi họp Quốc dân Đại hội 1945.
→ **Hai sự kiện đánh dấu sự trưởng thành, lớn mạnh của CMVN**
 - Sự thay đổi trong nhịp ngắt **4/4** thành **2/2/2/2** cùng cách sắp xếp không theo trật tự thông thường trong câu thơ.

→ **Với Việt Bắc, những địa danh lịch sử này đã không còn là những địa danh riêng rẽ nữa cũng như nhân dân và cách mạng đã gắn bó thân thiết không thể tách rời.**

- Điều này đã được khẳng định ở câu lục trước đó:

Mình đi mình có nhớ mình

Câu thơ xuất hiện tới 3 từ **“Mình”**, đặc biệt từ **mình** ở cuối câu đem đến nhiều cách hiểu.

- Lúc này, **ta** đã chuyển thành **mình**.
- Người ở lại – gọi sự hòa nhập gắn kết khăng khít đến mức “Mình và Ta” tuy 2 mà 1.

Mình với ta tuy hai mà một

Ta với mình tuy một mà hai

- “Mình” cũng có thể hiểu là người về xuôi. Nếu theo nghĩa này, câu thơ không chỉ chất chứa niềm nhớ thương mà còn là lời nhắc nhở: *Mình trở về với cuộc sống phần hoa liễu có nhớ con người mình của “15 năm ấy”?*
→ **Trong hồi tưởng kỉ niệm, VB vẫn đau đáu niềm băn khoăn trăn trở về sự phai nhạt của nghĩa tình ở người miền xuôi.**

Khẳng định nghĩa tình sắt son: Cặp lục bát số 3, 4

Ngay trong việc khơi gợi kỉ niệm, Việt Bắc đã gián tiếp khẳng định nghĩa tình. Trong đoạn thơ có những câu Việt Bắc trực tiếp bộc bạch nỗi niềm.

❖ **CẶP LỤC BÁT 3**

*Mình về rừng núi nhớ ai
Trám bùi để rụng, măng mai để già*

- Câu lục có sự thay đổi của chủ thể nỗi nhớ, **rừng núi** là hoán dụ chỉ người Việt Bắc.
- Đại từ phiếm chỉ **“Ai”** - cán bộ cách mạng: Cách nói duyên dáng để bày tỏ tình cảm. Tính chất phiếm chỉ khiến người đi trở nên xa xôi hơn trong niềm nhớ thương của người ở lại.
→ **Lối nói gián tiếp cho thấy nỗi nhớ không chỉ tha thiết trong người ở lại mà còn ắp đầy cả không gian núi rừng. Núi rừng Việt Bắc như cũng ngỡ ngàng trước cuộc chia ly này.**
- Tác giả đã dùng **cách nói của chính người dân miền núi** để diễn tả ân tình của người ở lại: Trám rụng không ai nhặt, măng để già không ai hái. Người về xuôi đã để lại 1 khoảng trống không gì có thể lấp trong lòng đồng bào và núi rừng Việt Bắc.

*Người đi một nửa hồn tôi mất
Một nửa hồn tôi hóa dại khờ*

(Hàn Mặc Tử)

❖ **CẶP LỤC BÁT 4**

Mình đi có nhớ những nhà

- Không gian thân thuộc, gần gũi: **“những nhà”** - hoán dụ cho con người và cuộc sống của đồng bào VB. Nhà thơ chọn **2 hình ảnh tiêu biểu** để diễn đạt cuộc sống và con người nơi đây

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Nghệ thuật tiểu đối tạo ra **sự đối lập** giữa không gian sống hoang vắng xác xơ, nghèo khổ của người dân Việt Bắc với tắc lòng sắt son đậm đà. Người dân sẵn sàng cưu mang những cán bộ kháng chiến dù cuộc sống mình cũng còn khó khăn. Việc tạo điểm nhấn ở vế sau của tác giả khiến **cái đậm đà** như át đi **cái hắt hiu**. Màu lau xám càng làm bật nổi nghĩa tình son sắt, thủy chung.

TIỂU KẾT

- Lên tiếng trước bằng 1 loạt câu hỏi tu từ cùng điệp từ **nhớ** trở đi trở lại, Lời hỏi của Việt Bắc chính là lời nhắn nhủ đầy ân tình của người ở lại với người cán bộ về xuôi.
- Trong lời nhắn nhủ xúc động ấy, VB không chỉ khơi gợi kỉ niệm mà còn khẳng định nghĩa tình đậm sâu với Cách mạng, với 1 giai đoạn lịch sử đã qua và với người cán bộ kháng chiến.

II. LỜI CỦA CÁN BỘ VỀ XUÔI

Đáp lại nỗi niềm của người ở lại là sự đồng cảm của người về xuôi, tác giả đã tạo 1 cái cớ tự nhiên giúp cả kẻ ở lẫn người đi bộc bạch tâm tình tưởng rất riêng tư trong tình cảm đôi lứa trong tình yêu, nhưng lại rất chung, đó là nghĩa tình rộng lớn của nhân dân với cách mạng, với kháng chiến.

Lời đáp của người kháng chiến chiếm phần lớn dung lượng đoạn trích, trong đó, người cán bộ không chỉ giải đáp những điều đặt ra trong lời hỏi mà còn thể hiện **sự tán đồng, mở rộng, làm cụ thể phong phú thêm** cho những nghĩa tình trong lời hỏi.

1. CÂU 5 – 8: IM LẶNG:

Trước tình cảm thiết tha của Việt Bắc, người đi chưa đáp lời mà im lặng – cái im lặng chất chứa bao lưu luyến, bùi ngùi

- 4 câu thơ diễn tả sinh động tình cảm của người đi qua nỗi niềm. Tình cảm của người đi thể hiện qua sự thấu hiểu đồng cảm người ở lại

*Tiếng ai tha thiết bên cồn
Âng khuâng trong dạ bồn chồn bước đi
Áo chàm đưa buổi phân li
Cầm tay nhau biết nói gì hôm nay...*

- Chỉ qua âm thanh “Tiếng ai” mà người đi đã thấu cảm được tất cả nỗi niềm tha thiết của người ở lại.
→ **Tiếng lòng ấy cứ quặn quýt vương vấn níu giữ người đi.**
- Tình cảm của người đi còn thể hiện qua cử chỉ điệu bộ, qua tâm trạng được miêu tả trực tiếp:
 - Hai từ láy “**Âng khuâng, bồn chồn**” diễn tả trực tiếp cảm xúc tâm trạng người đi: sự quyến luyến, nhớ nhung, nỗi thấp thỏm, nôn nao. Bước chân của người ra đi bịn rịn, ngập ngừng.
- Sự đối xứng của 2 vế trong câu thơ còn gợi ra sự hô ứng của tâm trạng và hành động: lưu luyến trong lòng khiến dùng dằng bước chân.

*Nhủ rồi tay lại cầm tay
Bước đi một bước giây giây lại dừng*

- Động lại trong nỗi nhớ người ra đi còn là hình ảnh “áo chàm đưa buổi phân li”
 - **Hoán dụ:** áo chàm – người Việt Bắc. Màu áo xanh đen đặc trưng, được nhuộm từ lá cây rừng, đây là màu áo giản dị, phù hợp với công việc lao động lam lũ, vất vả.
 - **Ẩn dụ:** Đây cũng là màu sắc rất bền – sự thủy chung, tình cảm sâu đậm của con người VB.
 - **Phân li:** từ Hán Việt, khiến cuộc chia tay mang mang màu sắc chính trị thành cuộc chia tay của lứa đôi, câu chuyện muôn đời của thi ca.
- **Đặc biệt**, câu thơ cuối không trực tiếp nói đến tình cảm, cảm xúc nhưng lại diễn tả rất tinh tế nỗi niềm của kẻ ở người đi lúc chia xa. **Đó là nỗi nghẹn ngào, niềm bùi ngùi xúc động không sao cất thành lời.** Bởi thế cử chỉ cầm tay đã chất chứa bao điều mà dường như mọi lời nói lúc này đều không đủ diễn tả.

2. CÂU 21-74: MỞ LỜI

a. Câu 21-25: Lời khẳng định nghĩa tình sắt son

Thấu hiểu và đồng cảm những tâm tình của Việt Bắc, người đi đã giải bày trực tiếp lòng mình bằng sự khẳng định chắc chắn, đinh ninh

CẤP LỤC BÁT 1:

*Ta với mình, mình với ta
Lòng ta sau trước mặn mà đinh ninh*

- Nhịp ngắt đặc biệt 3/3 chia câu thơ đầu thành 2 vế đối xứng. Câu thơ có cùng cấu trúc chỉ hoán đổi vị trí cặp đại từ **mình ta**.
→ Sự lặp lại xen cài giữa **ta mình** đã cho thấy **mối quan hệ khăng khít không thể tách rời, sự quấn quít giao hòa giữa người đi và kẻ ở**.

*Mình với ta tuy hai mà một
Ta với mình tuy một mà hai*

- Nhịp ngắt 2/2/2/2 chắc khỏe và hai từ láy: người về xuôi trực tiếp tỏ bày tình cảm, khẳng định sự thủy chung một lòng của mình với người cán bộ. Nếu tình cảm của người ở là thiết tha, mặn nồng, **“đậm đà lòng son”** thì lòng ta vẫn mãi thủy chung không bao giờ thay đổi.
- Đặc biệt, việc đảo trật tự thời gian trong từ **“sau trước”** còn cho thấy sự tinh tế của người về xuôi: Kín đáo cởi bỏ những băn khoăn lo lắng của Việt Bắc về quãng thời gian sắp tới khi người cán bộ về xuôi khi hoàn cảnh sống thay đổi.

CẤP LỤC BÁT 2

Vẫn giải đáp cho những băn khoăn của người ở, người về lặp lại gần như y nguyên câu hỏi của Việt Bắc, chỉ thay đổi 1 từ: **có → lại**

Mình đi mình lại nhớ mình

- Nếu **“có”** mang ý hỏi thì **“lại”** mang ý khẳng định. Từ **“mình”** ở cuối câu vừa có thể là ngôi thứ 1 vừa có thể là ngôi thứ 3 → **sự gắn bó khăng khít đến nhập hòa làm 1 của “ta” và “mình”**. **Câu thơ giống như một lời nguyện thề thiêng liêng, hóa giải bao nghi ngại, băn khoăn của người ở lại**.
- Khép lại đoạn thơ là phép so sánh mang đậm màu sắc dân gian, câu thơ vừa gợi nhắc ý nghĩa sâu xa của câu tục ngữ

Uống nước nhớ nguồn

Vừa phẳng phất ý vị ca dao

*Qua đình ngả nón trông mình
Đình bao nhiêu ngói thương mình bấy nhiêu*

→ Người đi đã lấy cái vô hạn của nước nơi đầu nguồn để khẳng định nghĩa tình cách mạng không bao giờ vơi cạn.

b. Câu 25-58: Nỗi nhớ về cảnh và người Việt Bắc:

Bức tranh thiên nhiên Việt Bắc trong hồi ức của người về xuôi

Thiên nhiên đa dạng trong không gian, thời gian

- Những không gian đặc trưng nhất của thiên nhiên Việt Bắc đều để lại ấn tượng đậm sâu trong người kháng chiến: **đầu núi, lưng nương, rừng nứa, bờ tre, ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê**.
- Thời gian đủ cả bốn mùa: đông xuân hạ thu, đủ những thời khắc trong ngày: sớm khuya chiều tối.

❖ *Thiên nhiên yên ả, thanh bình thấm đẫm hương vị của tình yêu (câu 26 – câu 30):*

*Nhớ gì như nhớ người yêu
Trăng lên đầu núi, nắng chiều lưng nương
Nhớ từng bản khói cùng sương
Sớm khuya bếp lửa người thương đi về*

- Những cảnh sắc đặc trưng của thiên nhiên Việt Bắc hiện về trong hồi ức của người về xuôi. Nhà thơ chủ yếu gợi ra ấn tượng về cảnh chứ không miêu tả cụ thể.
 - Đó là cảnh **vàng trắng lấp ló** nơi đầu núi hay nắng chiều trải vàng trên nương rẫy.
 - Bản làng nhập nhòa trong sương khói hay bếp lửa nồng đượm tình thân.
→ Hình ảnh quen thuộc trong không gian khác tạo nên vẻ đẹp kì diệu, nên thơ.
- Cả không gian lẫn thời điểm được gợi nhắc trong bài thơ đều gợi liên tưởng đến những buổi hẹn hò của đôi lứa. Ngoài ra, câu thơ thứ 4 còn gợi nên sự ấm áp của tình cảm gia đình.
- Cách so sánh độc đáo và mới mẻ: **“Nhớ gì như nhớ người yêu”**

LIÊN HỆ:

*Sầu đông càng lắt càng đầy
Ba thu dọn lại một ngày dài ghê*

(Truyện Kiều)

*Những ngày không gặp nhau
Biển bạc đầu thương nhớ*

(Thuyền và Biển - Xuân Quỳnh)

→ Người đọc hình dung ra nỗi nhớ Việt Bắc của người ra đi rất da diết, mãnh liệt, nồng nàn.

- Ba cặp lục bát đều bắt đầu bằng từ **nhớ**, đặc biệt hai cặp sau điệp khúc nhớ từng được lấy lại.

*Nhớ từng rừng nứa bờ tre
Ngòi Thia, sông Đáy, suối Lê vơi đầy*

- Hình ảnh tả thực - **không gian Việt Bắc** nhưng lại mang sức gợi, gợi ra **người dân Việt Bắc** - giản dị mộc mạc nhưng bát ngát sức sống.
- **“Nhớ từng”** là nhớ rõ mồn một những rừng, những bản, những rừng nứa bờ tre.
- Các địa danh không chỉ trải dài, uốn lượn trên bản đồ Việt Bắc mà còn ghi dấu những chiến công Cách Mạng, là nơi lưu lại những kỉ niệm gắn bó giữa quân và dân.

→ Nỗi nhớ tha thiết của người đi vừa dành nhớ từng đối tượng thân thuộc, vừa như muốn ôm trùm tất cả những thứ thuộc về Việt Bắc.

❖ *Thiên nhiên hùng vĩ mà thơ mộng, tươi sáng và tràn đầy sức sống (câu 43 – 52)*

- **Bức tranh thiên nhiên mùa đông:**

*Rừng xanh hoa chuối đỏ tươi
Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng*

- Gam màu chủ đạo: **màu xanh thẫm, âm u, trầm mặc** của rừng già trong mùa đông, mang lại cảm giác **lạnh lẽo**.
- Nghệ thuật chấm phá của thơ Đường: nổi bật trên nền xanh là màu **đỏ tươi** rực rỡ của hoa chuối, giống như những ngọn đuốc làm rực sáng cả rừng đông, xua tan đi sự âm u lạnh lẽo.

→ Hoa chuối đỏ tươi nổi bật giữa xanh thẫm của rừng già, sự đối chọi của hai gam màu khiến núi rừng Việt Bắc hiện ra sáng tươi rực lên sức sống.

LIÊN HỆ:

*Hơn một loài hoa đã rụng cành
Trong vườn sắc đỏ rữa màu xanh*

(Đây mùa thu tới – Xuân Diệu)

- Không chỉ rụng rở sắc màu, mùa đông Việt Bắc còn tràn đầy ánh sáng. Ở tầng cao không gian, mặt trời chiếu vào con dao gài thắt lưng người đi rừng tạo sự phản quang lấp lánh.
- Hiện thực nơi VB được xem là chốn **“rừng thiêng nước độc”**. Những anh bộ đội Cụ Hồ khi rời bỏ chốn “Thủ đô gió ngàn” để đến với Việt Bắc có những lúc không tránh khỏi cảm giác chán nản. Hình ảnh đó là “rừng hoang sương muối”,... Với những cán bộ đã từng gắn bó với VB 15 năm, họ chỉ nhớ tới VB về những kỉ niệm đẹp đẽ nhất, dấu cho hiện thực khắc nghiệt.

○ **Bức tranh mùa xuân: Thơ mộng thanh khiết tinh khôi**

*Ngày xuân mơ nở trắng rừng
Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang*

- Từ sắc xanh lạnh lẽo của mùa đông chuyển sang sắc trắng tinh khiết của mùa xuân.
- Phép đảo ngữ **“trắng rừng”**: người đọc hình dung sắc trắng của hoa mơ cứ lan dần, lan dần rồi tràn ngập cả không gian.
→ *Sự bùng dậy mãnh liệt của sức sống mùa xuân.*
- Sắc trắng của hoa mơ dường như đã trở thành một nỗi ám ảnh với Tố Hữu.

LIÊN HỆ:

*Ôi sáng xuân nay xuân 41
Trắng rừng biên giới nở hoa mơ*

(Theo chân Bác)

*Mường Thanh, Hồng Cúm, Him Lam
Hoa mơ lại trắng, vườn cam lại vàng*

(Hoan hô chiến sĩ Điện Biên)

○ **Bức tranh mùa hạ: vừa lung linh ánh sáng vừa rộn rã âm thanh.**

Ve kêu rừng phách đổ vàng

- Tác giả đặt cạnh nhau hai sự vật vốn ít liên hệ qua lại nhằm tạo ra những liên tưởng kì thú:
 - Lúc tiếng ve ngân cũng là lúc cả rừng phách rụng nở sắc vàng; (đồng thời)
 - Bởi tiếng ve ngân mà cả rừng phách chuyển lá màu vàng rụng. (nối tiếp)→ **BỨC TRANH GIỐNG NHƯ MỘT TẮM THẮM ĐỔI MÀU.**
- **“ĐỔ”**: sáng tạo đặc sắc, diễn tả tinh tế sự chuyển đổi đột ngột, nhanh chóng, mạnh mẽ của cảnh vật → cảm giác ngỡ ngàng thích thú. Ngoài ra còn gợi được **vẻ ăm ắp tràn trề của màu sắc**, khiến các tầng không gian như được nối liền, tất cả rụng lên sắc vàng tươi sáng.
 - Đặc biệt, từ **“đổ”** tạo nên một sự **chuyển đổi** thú vị: từ thính giác sang thị giác.
→ **Tố Hữu đã có sự cảm nhận và miêu tả rất tinh tế khi diễn tả một cách sống động sự tương giao âm thầm mà kì diệu giữa các sự vật trong đất trời.**

○ **Bức tranh mùa thu:**

*Rừng thu trăng rọi hòa bình
Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung*

- Ánh trăng dịu dàng rọi qua vòm lá, tạo nên khung cảnh hết sức thanh bình.

- Thu và trăng là cặp hình ảnh thường thấy nhưng trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt kháng chiến thắng lợi, trăng thu Việt Bắc cũng trở nên đặc biệt. **Đó là ánh trăng của hạnh phúc, của cuộc sống thanh bình.** Những đêm trăng không ngủ để có được vầng trăng là biểu tượng của hòa bình hôm nay.

→ **Cảnh núi rừng Việt Bắc dưới cái nhìn của nhà thơ không hoang sơ lạnh lẽo mà hùng vĩ, ấm nồng, tươi sáng và tràn đầy sức sống.**

- Tác giả đặt bức tranh mùa đông lên đầu để sống lại với giai đoạn đầu cuộc kháng chiến khó khăn gian khổ, song hành với sự khắc nghiệt của mùa đông. Từ mùa đông ấy, chúng ta mới có được vầng trăng hòa bình của mùa thu hiện tại.

❖ **Thiên nhiên luôn gắn bó khăng khít với con người (câu 43 – câu 52)**

Ta về, mình có nhớ ta

Ta về, ta nhớ những hoa cùng người

- Cặp phụ từ **“những”** - **“cùng”**: sự song hành, lồng quyện của hoa và người Việt Bắc trong nỗi nhớ của người về. **“HOA”** và **“NGƯỜI”** là hai hình ảnh đồng hiện soi chiếu vào nhau.

→ **Cứ nhớ đến hoa là nhớ tới người và ngược lại.**

Kết cấu của các câu thơ miêu tả bức tranh tứ bình rất đặc biệt: câu lục nói hoa, câu bát nói người.

→ **Tác giả đã cụ thể hóa cho sự đan cài gắn bó khăng khít của thiên nhiên với con người trong bức tranh**

❖ **Thiên nhiên góp phần vào thắng lợi của cuộc kháng chiến (câu 53 – câu 58):**

Nhớ khi giặc đến, giặc lòng

Rừng cây núi đá ta cùng đánh Tây

Núi giăng thành lũy sắt dày

Rừng che bộ đội, rừng vây quân thù

- Phép nhân hóa núi rừng VB mang hành động của con người: **đánh, giăng, che, vây**. Bốn hành động liên tiếp thể hiện bốn nhiệm vụ thiên nhiên đảm trách. Cùng với con người, núi rừng Việt Bắc cũng nhận mang sứ mệnh cao cả “đánh Tây” → tạo nên thế chủ động trong cuộc chiến tranh.
- Từ **“ta”** thể hiện **sự hiệp lực của cả người cán bộ kháng chiến, đồng bào Việt Bắc và thiên nhiên Việt Bắc.**
- Một từ **“ta”** triu mến thể hiện rất đẹp mối quan hệ khăng khít giữa người với người, giữa thiên nhiên vs con người làm tăng thêm tầm vóc sử thi của hình tượng thơ.

→ **Thiên nhiên tưởng vô tri đã trở thành vũ khí chiến đấu lợi hại, quả cảm, vừa cản bước quân thù, vừa che trở cho bộ đội đánh giặc giữ nước.**

Nỗi nhớ về con người Việt Bắc và hồi ức của người về xuôi

Nỗi nhớ về con người Việt Bắc cùng cuộc sống sinh hoạt thời kháng chiến được chủ yếu gợi lên trong câu thơ 31-53

❖ **Cuộc sống của con người Việt Bắc:**

- **Còn nhiều khó khăn cơ cực**

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Địu con lên rẫy, bẻ từng bắp ngô

- **Nắng cháy**: thể hiện và nhấn mạnh sự khắc nghiệt của thời tiết, của hoàn cảnh lao động.

Cày đồng đang buổi ban trưa

Mồ hôi thành thót như mưa ruộng cày

Cua ngòi lên bờ, mẹ em xuống cấy (Hạt gạo làng ta)

○ Yên ả, thanh bình

- Hai âm thanh là âm thanh đặc trưng của núi rừng VB:
 - Tiếng mõ vang ra trong những buổi chiều tà.
 - Tiếng chày giã gạo trong đêm.
- Hai âm thanh gợi ra **sự cần cù chăm chỉ** bởi thông thường, tiếng chày vang lên trong đêm thường gợi gợi giây phút nghỉ ngơi nhưng những người dân Việt Bắc vẫn đang trong quá trình lao động.

→ **Cuộc sống yên ả thanh bình như chưa từng biết đến chiến tranh.**

❖ *Phẩm chất nổi bật của con người VB*

○ Cần cù, chăm chỉ, chịu thương chịu khó

Nhớ người mẹ nắng cháy lưng

Địu con lên rẫy bẻ từng bắp ngô

- Hình ảnh người mẹ Việt Bắc:

- Sự đối lập tương phản: hoàn cảnh lao động khắc nghiệt **“nắng cháy lưng”** và tinh thần con người lao động: Nắng trên núi rừng vô cùng gay gắt nhưng vừa phải chăm sóc, vừa bảo đảm công việc lao động.
- **“Bẻ từng bắp ngô”**: hành động cẩn thận, tỉ mỉ, lại được thực hiện trong hoàn cảnh khắc nghiệt
→ **Sự say sưa với công việc, cho thấy tình yêu lao động của người mẹ.**
- Người mẹ cần mẫn chăm chỉ, chịu thương chịu khó để mưu sinh nuôi con bộ kháng chiến.

- Hình ảnh người đan nón.

Nhớ người đan nón chuốt từng sợi giang

- Bút pháp miêu tả cụ thể: con người hiện lên với vẻ đẹp cẩn trọng và tài hoa
- **Chuốt từng**: động tác đòi hỏi sự khéo léo, cẩn thận, tỉ mỉ. Dưới đôi bàn tay tài hoa của người VB, từng sợi giang cứ óng lên rực rỡ.

Tay người như có phép tiên

Trên tre nứa đã dệt nghìn bài thơ

(Việt Nam đất nước ta ơi – Nguyễn Đình Thi)

- Hình ảnh cô em gái

Nhớ cô em gái hái măng một mình

- Cách xưng hô “cô em gái” trìu mến, thân thương, gần gũi thể hiện mối quan hệ thân thiết giữa đồng bào VB và cán bộ kháng chiến.
- Giữa bức tranh thiên nhiên rực rỡ, con người hiện ra lại lặng lẽ, không cần được biết đến.

Không ai nhớ mặt đặt tên

Nhưng họ đã làm nên đất nước

(Đất nước – Nguyễn Khoa Điềm)

→ **SỰ ĐÓNG GÓP LẶNG THẦM ẤY GÓP PHẦN LÀM NÊN CHIẾN THẮNG.**

- **Hình ảnh người đi rừng**

Đèo cao nắng ánh dao gài thắt lưng

- Bối cảnh: đỉnh đèo với ánh sáng chói chang của mặt trời.
- Con người lao động Việt Bắc với con dao đi rừng gài bên thắt lưng, với tâm thế tự tin chủ động khi bước lên đỉnh đèo.
- Ánh mặt trời từ trên cao rọi xuống và dao ở thắt lưng có sự phản chiếu ánh sáng óng ánh lấp lánh → hình ảnh đẹp của con người trên tầng cao của không gian, tiếp đón ánh mặt trời.
- Vẽ lên hình ảnh con người Việt Bắc trong tư thế hiên ngang, làm chủ núi rừng.

Rất đẹp hình anh lúc nắng chiều

Bóng dài trên đỉnh núi cheo leo.

(Lên Tây Bắc – Tố Hữu)

→ **TÁC GIẢ** đã dành nhiều câu chữ để làm nổi bật vẻ đẹp con người VB với những đối tượng khác nhau (người mẹ, người đan nón, cô em gái). Cứ nhắc đến người Việt Bắc là nhắc đến lao động.

○ **Giàu nghĩa tình, sẵn sàng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ**

- Trong lời của VB, VB cũng tự giới thiệu, **tự khẳng định phẩm chất** này ở những câu thơ trước

Miếng cơm chấm muối, mối thù nặng vai

Hắt hiu lau xám, đậm đà lòng son

Tới đoạn này, phẩm chất ấy được ghi lại chỉ như thêm **một nốt nhấn để tô đậm và khắc ghi** sâu sắc hơn:

Ta đi ta nhớ những ngày

Mình đây ta đó đắng cay ngọt bùi

- **Đắng cay ngọt bùi:** cảm giác của vị giác, ẩn dụ cho những khó khăn, gian khổ cùng những niềm vui, hạnh phúc, thành công.

→ **Tái hiện cả 1 quá trình trải theo thời gian, trải theo không gian với rất nhiều cung bậc cảm xúc, giai đoạn trong cuộc sống.**

Thương nhau chia củ sắn lùi

Bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng

- **Thương nhau, chia, sẻ, đắp cùng:** Chia củ sắn lùi, sẻ bát cơm, đắp chung chăn đều là sự chia sẻ những điều nhỏ bé, bình thường trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày.
- Về giá trị vật chất, chúng đều là những thứ không đáng kể nhưng chính những thứ bé nhỏ ấy khi được chia sẻ sẽ mang giá trị tinh thần vô giá.
- Hình ảnh **“đắp cùng tấm chăn sui”** cho thấy sự gắn kết.

Đêm đắp chung chăn thành đôi tri kỉ

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay

→ Thể hiện sự đồng cam cộng khổ, tình thân đoàn kết, gắn bó, thân thiết trong tình quân dân

→ **Tác giả cho thấy một vẻ đẹp nữa của con người VB – giàu tình nghĩa, sẵn sàng đồng cam đồng khổ - một trong những yếu tố quan trọng làm nên chiến thắng.**

Nhớ ai tiếng hát ân tình thủy chung.

- Câu thơ khái quát lại vẻ đẹp con người VB mà tác giả đã miêu tả rất cụ thể trong những câu thơ trước. Đây chính là ấn tượng đọng lại cuối cùng trong kí ức người ra đi.
- Thay đại từ **“ta”, “mình”** bằng đại từ phiếm chỉ **“ai”**: khiến cho nỗi nhớ mang hình sắc lứa đôi.

Câu 59-62: chỉ là đoạn nối, không cần phân tích

c. CÂU 63–74: Việt Bắc ra quân và chiến thắng lẫy lừng

- Nhịp thơ thay đổi: ngắn, nhanh, rộn ràng, dồn dập + giọng thơ từ tha thiết, ngọt ngào chuyển sang sôi nổi, hào hùng, mạnh mẽ + xuất hiện nhiều hình ảnh thơ kì vĩ, hùng tráng, đậm chất sử thi.
- **Đoạn thơ mang âm hưởng ANH HÙNG CA**
- Tố Hữu đã đem đến cho thơ lục bát một cách diễn đạt mới -> đóng góp của TH cho thể thơ truyền thống này.

Con đường Việt Bắc và hình ảnh đoàn quân chiến đấu (câu 63-70)

❖ Hình ảnh con đường Việt Bắc

*Những đường Việt Bắc của ta
Đêm đêm rầm rập như là đất rung*

- Từ láy “rầm rập” vừa tượng thanh vừa tượng hình: tiếng bước chân chắc khỏe, vang động cùng hình ảnh đoàn quân bồng bồng khí thế xung trận. Âm thanh như vang động cả núi rừng.
- So sánh “*như là đất rung*”: tô đậm cái đông của lực lượng, cái mạnh của tinh thần, cái sức sôi của khí thế. Đất trời như rung chuyển theo bước chân, theo khí thế của đoàn quân.
- Thời gian “Đêm đêm”: Hình ảnh con đường ra trận càng hào hùng hơn khi đặt trong bối cảnh thời gian. *Nhiệt huyết chiến đấu sôi sục đã khiến thời gian vật lý như không còn tồn tại.* Từng đoàn quân ra trận đã biến đêm thành ngày cho thấy nhiệt huyết chiến đấu.
- Từ “*của ta*”: thể hiện sự chủ động.

→ Con đường VB đã trở thành con đường huyết mạch tới gần hơn với chiến thắng. Khí thế bốc cao ngùn ngụt của 1 đoàn quân chiến đấu đi đến giai đoạn cuối của cuộc kháng chiến (Tổng phản công giành chiến thắng)

❖ Hình ảnh đoàn bộ đội:

*Quân đi điệp điệp trùng trùng
Ánh sao đầu súng bạn cùng mũ nan*

- Cặp từ láy hoàn toàn “*điệp điệp, trùng trùng*”: tạo âm hưởng hào hùng, vừa tiếp tục tô đậm ấn tượng về sự hùng hậu và hùng mạnh của đoàn quân.
- “*Ánh sao đầu súng*” là 1 hình ảnh đẹp, đa nghĩa.
 - Hình ảnh thực: chiến sĩ hành quân trong đêm sao trời lấp lánh như treo trên đầu súng trở thành người bạn đồng hành.
 - Quân hiệu gắn trên mũ người lính (bộ đội chính quy)
 - Biểu tượng cho lý tưởng cao đẹp của Đảng. Cả đoàn quân trùng trùng ra trận được soi đường chỉ lối dẫn dắt bởi ánh sáng của lí tưởng của niềm tin tất thắng.

❖ Hình ảnh đoàn dân công:

*Dân công đỏ đuốc từng đoàn
Bước chân nát đá, muôn tàn lửa bay*

- “*Đỏ đuốc từng đoàn*”: tiếp tục nhấn mạnh ở sự đông đảo của lực lượng, ở tinh thần phục vụ kháng chiến vô cùng hăng say.
 - “*Đỏ đuốc*”: làm việc trong đêm, biến đêm thành ngày → nhiệt huyết chiến đấu sôi sục. Đó là nhiệt huyết của đoàn dân công khi đóng góp vào chiến thắng của dân tộc.
- “*Bước chân nát đá*”: hình ảnh **thậm xưng** ngợi ca sức mạnh vô song cũng nhiệt huyết sôi sục của người dân kháng chiến. Người dân công giống như là những người khổng lồ, có thể đội đá, vá trời, san bằng mọi gian nguy. Họ có thể bạt núi, san rừng, khiến cho thiên nhiên phải cúi đầu, đêm tối phải bừng sáng.

→ **Sức mạnh của lòng yêu nước.**

❖ **Hình ảnh đoàn xe cơ giới: làm cho con đường ra trận thêm phần chấn**

Nghìn đêm thăm thẳm sương dày

Đèn pha bật sáng như ngày mai lên

- Hoàn cảnh: họ trải qua khó khăn nguy hiểm hàng ngày, đó là “sương dày”.
 - **Thăm thẳm:** sương che chắn tầm nhìn, khiến cho con đường ngập tràn những cái bẫy. Một bên là vực sâu, một bên là núi cao. Chỉ cần sơ sẩy một chút là bỏ mạng.
 - Sự tương phản giữa bóng tối chất chùng nghìn đêm và ánh sáng bừng lên rạng rỡ của ngày mai.
 - **Bóng tối là quá khứ đau thương, nô lệ.**
 - **Ánh sáng** của ngày mai là tương lai huy hoàng tạo nên bước chuyển kì diệu. Đó chính là ánh đèn pha bật sáng của đoàn xe cơ giới. Đèn pha bật sáng chói lòa trong đêm đen đồng nghĩa với việc ta đã giành được thể chủ động tiến công.
- **Chính thể chủ động đó tạo đà cho niềm vui chiến thắng.**

✚ **Niềm vui chiến thắng (4 câu thơ cuối)**

Tin vui chiến thắng trăm miền

Hòa Bình, Tây Bắc, Điện Biên vui về

Vui từ Đồng Tháp, An Khê

Vui lên Việt Bắc, đèo De, núi Hồng

- Nhịp thơ nhanh, rộn ràng
- Từ **“vui”** x4 trên 4 dòng thơ kết hợp với các phụ từ **“vui về, vui từ, vui lên”**: diễn tả sinh động sự vận động tỏa lan của niềm vui chiến thắng
- Mỗi từ **“vui”** là 1 tiếng reo. **4 từ “vui” liên tiếp tạo nên chuỗi tiếng reo hân hoan, náo nức**
- 8 địa danh được nhắc đến trải dài khắp đất nước. Đó không chỉ là tên đất, tên sông đơn thuần mà là tên những chiến thắng vang dội, dồn dập làm nức lòng người

TIỂU KẾT

- Chỉ bằng 1 đoạn thơ ngắn, nhà thơ đã dựng lên bức tranh kì vĩ, hùng tráng về cuộc kháng chiến khi VB ra quân chiến đấu và chiến thắng lẫy lừng. ĐÓ là khúc hùng ca sôi nổi của cuộc kháng chiến chống Pháp
- Đóng góp nổi bật về nghệ thuật của Tố Hữu là đem đến khả năng diễn đạt và biểu hiện mới cho thể thơ lục bát

3. CÂU 75-90: Hoài niệm về cuộc họp của Trung ương và chính phủ trong hang.

Ai về ai có nhớ không?

Ngọn cờ đỏ thắm gió lồng cửa hang

Nắng trưa rực rỡ sao vàng

Trung ương, Chính phủ luận bàn việc công

- Cuộc họp được miêu tả trong 1 không gian, thời gian đẹp
- Liệt kê 8 việc thiết yếu chính phủ luận bàn (điều quân...)
- Khái quát vị trí và ý nghĩa của Việt bắc với cuộc kháng chiến của toàn dân tộc

C. TỔNG KẾT.

1. ĐẶC SẮC NGHỆ THUẬT:

- Thể hiện tập trung phong cách nghệ thuật thơ Tố Hữu (nổi bật là tính dân tộc đậm đà)
- Sử dụng nhuần nhuyễn thể thơ lục bát, đặc biệt đem đến khả năng diễn đạt và biểu hiện mới cho thể thơ truyền thống này
- Vận dụng sáng tạo lối đối đáp quen thuộc của ca dao làm gia tăng màu sắc trữ tình cho đoạn trích
- Ngôn ngữ giản dị trong sáng đậm màu sắc dân tộc (sử dụng linh hoạt cặp đại từ Minh Ta, SD và vận dụng sáng tác thành ngữ tục ngữ ca dao cùng lối ví von của dân gian)
- Sử dụng nhiều hình ảnh thơ mang đậm sắc thái dân gian

2. NỘI DUNG

- Thông qua cuộc đối đáp giữa nhân dân VB và người cán bộ kháng chiến trong buổi chia tay (mà thực chất là lời độc thoại nội tâm của chính tác giả), đoạn trích thể hiện sự gắn bó ân tình, thủy chung giữa nhân dân VB với CM, giữa người kháng chiến với thiên nhiên và con người VB, với 1 giai đoạn quang vinh đã qua.
- Đoạn trích nói riêng và bài thơ nói chung là bản ANH HÙNG CA cũng là bản TÌNH CA về cuộc kháng chiến và con người kháng chiến
- Qua bản tổng kết bằng tâm tình về cuộc kháng chiến, nhà thơ gửi gắm lời nhắn nhủ:

“Hãy nhớ mãi và phát huy truyền thống anh hùng bất khuất, ân nghĩa thủy chung của CM, của con người VN.”

D. GIẢI THÍCH KHÁI NIỆM

I. TÍNH DÂN TỘC

- **Tính dân tộc:** Một thuộc tính văn học – những dấu ấn độc đáo không lặp lại, biểu hiện những gì là bản sắc, nét riêng biệt, đặc thù của một dân tộc.
- **Tính dân tộc trong văn học:** một thuộc tính và thước đo giá trị của một tác phẩm văn học.

1. NGHỆ THUẬT

- Thể thơ truyền thống, cách xưng hô gần gũi
- Hình ảnh quen thuộc trong dân gian
- Kết cấu đối đáp quen thuộc
- Giọng thơ như những lời ru nhẹ nhàng, êm ái, ngôn ngữ thơ gần với lời ăn tiếng nói hàng ngày
- Lối diễn đạt, cách ví von, so sánh mang đậm màu sắc dân gian (Nguồn bao nhiêu nước, nhìn cây nhớ núi)

2. NỘI DUNG (3)

- Đề tài, hình tượng trung tâm, cảm hứng chủ đạo đều hướng tới những vấn đề lớn của dân tộc
- Những kỉ niệm sâu nặng, những nghĩa tình sắc son với quê hương Cách mạng với nhân dân Việt Bắc qua sự cảm nhận và thể hiện của bài thơ đã hòa nhập với truyền thống đạo lí của dân tộc: ***Uống nước nhớ nguồn, Ăn quả nhớ kẻ trồng cây***
- Những hình ảnh thân thuộc của đất và người Việt Bắc trong sự gắn bó nhớ thương của kẻ ở người về → những tình cảm quê hương sâu nặng kết đọng lâu đời trong tâm hồn người Việt

II. TÍNH SỬ THI (3 biểu hiện cơ bản)

1. BIỂU HIỆN CHUNG

- Vấn đề được đề cập đến trong bài thơ phải là vấn đề lớn lao, trọng đại, mang ý nghĩa cộng đồng
- Nhân vật mang những phẩm chất tiêu biểu của cộng đồng, của tập thể.
- Giọng điệu: Ngợi ca

2. BIỂU HIỆN TRONG VIỆT BẮC

- Vấn đề: Chặng đường
- Hình ảnh đoàn quân

III. CHẤT TRỮ TÌNH VÀ CHẤT CHÍNH TRỊ

- **Chất chính trị:** Cảm hứng và nội dung sáng tác được khai thác trực tiếp từ các sự kiện chính trị, tình cảm chính trị của đất nước, cách mạng, thời đại.
- **Chất trữ tình:** bộc lộ trực tiếp ý thức, tình cảm, cảm xúc của con người đối với thế giới và nhân sinh. Mặt khác, cái tôi trữ tình luôn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước thực tại trên tư cách phổ quát, động chạm tới những vấn đề chung của tồn tại con người. Cho nên, trữ tình trở thành tiếng lòng thầm kín của mọi người.

→ Thơ TH tiêu biểu cho thơ trữ tình chính trị => nét nổi bật trong phong cách nhà thơ. Chất trữ tình và chính trị luôn kết hợp hài hòa, tạo nên nét riêng khó lẫn của thơ TH.

- CHẤT TRỮ TÌNH: NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC TRỮ TÌNH.

- **Mối quan hệ giữa hai chất: HÀI HÒA**

- Chất trữ tình bệ đỡ cho chất chính trị được thăng hoa
- Tố Hữu đã "trữ tình hóa" những vấn đề chính trị bằng tình cảm mộc mạc, chân thành, tạo nên những vần thơ có sức rung cảm sâu xa. **"Tố Hữu đã đưa thơ chính trị đạt đến trình độ rất đối trữ tình"** (Xuân Diệu).

Meeting in "Ngữ văn"

43:39

Request control

Meeting chat

gợi sự kiện thời đại của dân tộc; thời gian, không gian được nhắc đến là thời gian lịch sử, không gian cách mạng

12.Nguyễn Hồng Liên 10:28 AM

+ Chất chính trị: sự kiện chính trị của đất nước, tình cảm gắn bó mình ta(đồng bào VB- ng cán bộ), thời gian 15 năm, không gian gắn vs căn cứ VB, "tiếng ai tha thiết bên cồn" gợi ko gian, thời gian lịch sử

+ Chất trữ tình: nghĩa tình CM thấm thiết thủy chung, kết cấu đối đáp, thể thơ lục bát nhịp nhàng, ngôn từ giản dị,

Phạm Thị Kim Anh

Phạm Thị Kim Anh

15.Nguyễn Nam Khánh

02.Nguyễn Thanh An

10:29 AM 5/18/2021

ENG

VIE

10:30 AM 10/5/2021

Meeting in "Ngữ văn"

48:02

Request control

Meeting chat

gợi sự kiện thời đại của dân tộc; thời gian, không gian được nhắc đến là thời gian lịch sử, không gian cách mạng

12.Nguyễn Hồng Liên 10:28 AM

+ Chất chính trị: sự kiện chính trị của đất nước, tình cảm gắn bó mình ta(đồng bào VB- ng cán bộ), thời gian 15 năm, không gian gắn vs căn cứ VB, "tiếng ai tha thiết bên cồn" gợi ko gian, thời gian lịch sử

+ Chất trữ tình: nghĩa tình CM thấm thiết thủy chung, kết cấu đối đáp, thể thơ lục bát nhịp nhàng, ngôn từ giản dị,

Phạm Thị Kim Anh

Phạm Thị Kim Anh

15.Nguyễn Nam Khánh

02.Nguyễn Thanh An

10:33 AM 5/18/2021

ENG

VIE

10:35 AM 10/5/2021

IV. KHÚC HÙNG CA, TÌNH CA

1. TÌNH CA:

Là khúc ca chan chứa tình cảm về con người và cuộc sống.

- Nội dung: Ngợi ca nghĩa tình cách mạng bền chặt, gắn bó thủy chung giữa người cán bộ Đảng và ĐB Việt Bắc (Khúc ca của người VB với người kháng chiến và khúc ca của người CB với đất, người, cuộc sống kháng chiến ở VB)
- Nghệ thuật:
 - Kết cấu đối đáp giao duyên
 - Giọng thơ ngọt ngào tha thiết
 - Ngôn ngữ, cách diễn đạt (cặp đại từ mình – ta)

2. HÙNG CA:

Khúc ca hào hùng, hùng tráng về con người và cuộc sống, thường gắn với những sự kiện lịch sử, quan trọng của cộng đồng dân tộc.

- Nội dung
 - Tái hiện khí thế hào hùng của cuộc kháng chiến
 - Ngợi ca chiến công và niềm vui bất tuyệt
- Nghệ thuật
 - Âm hưởng anh hùng ca hào hùng (*nhịp thơ, giọng thơ, hình ảnh rộng lớn, kì vĩ, hùng tráng (63 -74)*)

E. NHẬN ĐỊNH VỀ TÁC GIẢ, TÁC PHẨM

- Tố Hữu không tô vẽ lên nhân vật quần chúng những nét sơn hào nhoáng, giả tạo. Tình cảm của nhân vật thơ anh biểu hiện lên từ bản chất giai cấp, từ đời sống thực.

(Hoàng Trung Thông)

- Phong cách dân tộc ở Tố Hữu thể hiện ở chỗ thơ anh giàu chất nhạc, anh nắm rất vững cái âm điệu, vần điệu của dân tộc.

... Thơ anh là lối thơ lấy cái đường đi toàn đời, lấy cái hơi toàn tập, lấy cái tứ toàn bài là chính... Anh là một con chim vụt ở đường bay hơn là bộ lông, bộ cánh, tuy vẫn là lông cánh đẹp.

(Chế Lan Viên)

- Thơ của chàng thanh niên Tố Hữu khi ấy từ trái tim vọt ra cũng như thơ của chúng tôi, cũng lãng mạn như thể chúng tôi, nhưng là thứ lãng mạn khác, có nhiều máu huyết hơn; thơ chúng tôi chỉ đập cho mở cửa trời, nhưng thơ Tố Hữu thì mới có chìa khóa: Cách mạng, giải phóng dân tộc, giải phóng cho người lao khổ.

(Xuân Diệu)

- Một tiếng nói yêu thương luôn luôn chan hòa ánh sáng, tự nó cũng là ánh sáng, lại hết sức linh hoạt và uyển chuyển, mỗi lúc một khác, mỗi nơi một khác, kể cả những lúc chỉ là sự im lặng giữa các dòng thơ. Phải chăng đây chính là bản sắc riêng của thơ Tố Hữu.

(Hoài Thanh)

- Với Việt Bắc, hồn thơ cũng như nghề thơ Tố Hữu chín rộ, ..., không phải là một cây bút trong tay Tố Hữu nữa mà là nhiều ngọn bút nở cùng một lúc, bút tả tình, bút tả cảnh, bút tả người. Người ta thấy văn chương cách mạng chí nghĩa chí tình, cái văn chương nên thơ nên nhạc...".

(Xuân Diệu)